TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2025
"V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị Hường - anh Hợp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Vũ Thị Ngân; Bà Nguyễn Thị Hường.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hưng Yên tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1988.

-Bị đơn: Anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1985.

Nơi c trú: Thôn L, xã A, huyÖn Q, tỉnh Thái Bình.

Nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên

(*Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh H1*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Văn H1 tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/12/2009, sau khi kết hôn cả hai đều chung sống cùng gia đình anh H1 tại xã A, chị làm giáo viên mầm non, anh H1 lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh H1.

-Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Văn N, sinh ngày 21/8/2010 và Đỗ Văn T, sinh ngày 28/11/2014. Nếu ly hôn xảy ra chị đề nghị được nuôi dưỡng con T, để anh H1 nuôi dưỡng con N, hai bên không yêu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

-Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Đỗ Văn H1 trình bày: Tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải anh H1 xác nhận lời khai của chị H về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị xin được đoàn tụ vợ chồng.

-Về con chung: Anh H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H đã khai, nếu ly hôn xảy ra anh nhất trí phương án nuôi con chung như chị H đã đề nghị.

-Về tài sản chung: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã xác minh:

- Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1967, địa chỉ: thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên là mẹ đẻ chị H; ông Đỗ Văn H2, sinh năm 1961, bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964, địa chỉ: thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên là bố mẹ đẻ anh H1; ông Lê Đắc Đ là trưởng thôn Lộng khê 2; bà Ngô Thị L là bí thư chị bộ thôn L đã cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện tại hai bên đã sống ly thân. Quan điểm của thân nhân chị H, anh H1 và cơ sở thôn đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân và thực trạng cuộc sống để hòa giải để các bên trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị H theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hưng Yên tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh H1. Về con chung: Xử giao con chung Đỗ Văn N, sinh ngày 21/8/2010 cho anh H1; con chung Đỗ Văn T, sinh ngày 28/11/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị chị H anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn L, xã A, huyÖn Q, tỉnh Thái Bình, nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã có đơn xin xử án vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, nuôi con chung. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Văn H1 được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/12/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai đều chung sống cùng gia đình anh H1 tại xã tại xã A, chị H làm giáo viên mần non, anh H1 lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại chị H đã trở về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh H1. Quá trình hòa giải anh H1 đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không dung hòa và lạnh nhạt ít khi nói chuyện với nhau, nhưng anh H1 đề nghị tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị xin được đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng để hai bên có cơ hội trở về đoàn tụ, nhưng chị H cự tuyệt tình cảm và đề nghị xin được ly hôn. Đối với anh H1 xin được đoàn tụ nhưng không có giải pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tại phiên tòa anh làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua xác minh thân nhân chị H, anh H1 và cơ sở thôn L đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn và hiện tại hai bên đã sống ly thân, đề nghị Tòa án căn cứ vào hiện trạng thực tế, hòa giải để chị H trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh H1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị H và anh H1 về nuôi dưỡng con chung cho thấy chị H và anh H1 có 02 con chung là là Đỗ Văn N, sinh ngày 21/8/2010 và Đỗ Văn T, sinh ngày 28/11/2014. Quá trình hòa giải tại Tòa án các đương sự đều đề nghị nếu ly hôn xảy ra chị H nhận nuôi con T, anh H1 nhận nuôi con N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Qua xác minh thấy rằng con chung hiện được chị H và anh H1 nuôi dưỡng chu đáo, qua việc lấy lời khai cháu N bày tỏ nguyện vọng xin được ở với bố, cháu T xin được ở với mẹ, cơ sở thôn L đều có quan điểm như trên. Vì vậy cần xử giao cháu N cho Anh H1, xử giao cháu T cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không yêu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy

phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí và lệ phí tòa án: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn H1.

2/Về con chung: Xử giao con chung Đỗ Văn N, sinh ngày 21/8/2010 cho anh Đỗ văn H1 được trực tiếp nuôi dưỡng; Xử giao con chung Đỗ Văn T, sinh ngày 28/11/2014 cho chị Đỗ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H anh H1 có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị H anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005757 ngày 11/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã A Sào, tỉnh Hưng Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC